TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 8 - 2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Vị

Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2026/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989; số CCCD: 008189000156; nơi đăng ký HKTT: Thôn X, xã Y, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã P, tỉnh Tuyên Quang, "có mặt".

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành V, sinh năm 1984; số CCCD: 026084008801; địa chỉ: Thôn X, xã Y, tỉnh Phú Thọ, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2026 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành V kết hôn với nhau ngày 12/3/2009, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại thôn X, xã Y, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, thời gian đầu chị và anh Vinh hạnh P; sau đó đến năm 2024 chị và anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh V hay uống rượu rồi chửi và xúc phạm chị. Đến ngày 10/10/2025 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã P, tỉnh Tuyên Quang, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/4/2010 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04/4/2017 (hiện cả hai cháu đang ở cùng anh V). Hiện tại chị T không có thai. Ly hôn chị T xin nuôi cả hai cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/4/2010 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04/4/2017 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Thành V vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, anh V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh V, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh V đều không đến Tòa làm việc. Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962 là mẹ đẻ của anh V. Bà N cho biết: Năm 2009, gia đình tổ chức đám cưới cho chị T, anh V. Sau khi kết hôn, chị T về làm dâu và chung sống cùng anh V tại thôn X, xã Y, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, chị T anh V có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà được biết là chị T có mối quan hệ với người đàn ông khác. Đến khoảng tháng 8 năm 2025 chị T bỏ nhà đi, để lại hai con cho anh V nuôi. Nay chị T xin ly hôn với anh V thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị T, anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/4/2010 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04/4/2017. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị T, anh V không có tài sản gì. Ngoài ra, bà N cho biết: Hiện nay anh V đang đi làm bốc vác cám thuê, anh V biết việc chị T xin ly hôn nhưng do thường xuyên về nhà muộn khoảng 22 giờ đến 24 giờ anh V mới về nhà nên không đến Tòa án để làm việc được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh V là bị đơn không chấp hành đầy đủ, vắng mặt tại phiên tòa.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành V. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/4/2010 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04/4/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Về chia tài sản, vay nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Thành V. Bị đơn anh V hiện có hộ khẩu và cư trú tại thôn X, xã Y, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ và quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

[2] Về tố tụng: Đối với anh V quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành V đăng ký kết hôn với nhau ngày 12/3/2009, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn, chị T và anh V được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị T, anh V thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh V có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị T trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, chị và anh V đã sống ly thân nhau từ ngày 10/10/2025 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh V mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, không hợp tác đến Tòa án làm việc, thể hiện anh V không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên việc chị T xin ly hôn anh V là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự thì chị T, anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/4/2010 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04/4/2017 (hiện hai cháu đang ở cùng anh V). Hiện tại chị T không có thai. Chị T có quan điểm ly hôn chị xin được nuôi cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/4/2010 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04/4/2017 và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Tòa án đã về địa phương để tiến hành lấy lời khai của cháu H và cháu Đ. Cháu H và cháu Đ đều có nguyện vọng muốn ở cùng bố là anh V. Tuy nhiên, anh V mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm về việc ly hôn, nuôi con chung. Tòa án cũng đến nhà anh V nhiều lần nhưng không gặp được anh V nên không lấy được lời khai của anh V, đến nay anh V không có quan điểm về con chung.

Xét thấy chị T hiện có chỗ ở, công việc ổn định, thu nhập bình quân từ 12.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng/01 tháng do đó cần giao cháu H và cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Trường hợp sau này nếu anh V có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì sẽ được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về chia tài sản: Do đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thành V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/4/2010 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04/4/2017 (hiện hai cháu đang ở cùng anh V) cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004483 ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 93 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Yên Lãng, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang